

QUỐC HỘI
Số: 02/1997/QH10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 1997

LUẬT

Các tổ chức tín dụng

Để bảo đảm hoạt động của các tổ chức tín dụng được lành mạnh, an toàn và có hiệu quả; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân; góp phần thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định về tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng và hoạt động ngân hàng của các tổ chức khác,

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định tổ chức, hoạt động của các tổ chức tín dụng và hoạt động ngân hàng của các tổ chức khác ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Áp dụng Luật các tổ chức tín dụng và các luật có liên quan

Việc tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng, hoạt động ngân hàng của các tổ chức khác phải tuân theo các quy định của Luật này và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Chính phủ quy định cụ thể về hoạt động ngân hàng của các tổ chức khác.

Điều 3. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế trong hoạt động ngân hàng với nước ngoài

1. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định của Luật này, thì áp dụng quy định của điều ước quốc

tế đó.

2. Các bên tham gia hoạt động ngân hàng có thể thoả thuận áp dụng tập quán quốc tế, nếu tập quán đó không trái với pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về xây dựng các loại hình tổ chức tín dụng

1. Thống nhất quản lý mọi hoạt động ngân hàng, xây dựng hệ thống các tổ chức tín dụng hiện đại, đủ sức đáp ứng nhu cầu vốn và dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế và dân cư, góp phần thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo vệ lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

2. Đầu tư vốn và các nguồn lực khác để phát triển các tổ chức tín dụng nhà nước, tạo điều kiện cho các tổ chức này giữ vai trò chủ đạo và chủ lực trên thị trường tiền tệ.

3. Phát triển các ngân hàng chính sách hoạt động không vì mục đích lợi nhuận phục vụ người nghèo và các đối tượng chính sách khác nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.

4. Bảo hộ quyền sở hữu, quyền và lợi ích hợp pháp khác trong hoạt động của các tổ chức tín dụng hợp tác nhằm tạo điều kiện cho người lao động tương trợ nhau trong sản xuất và đời sống.

5. Xây dựng các ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân với các chính sách ưu đãi về vốn, lãi suất và các điều kiện vay vốn.

Điều 5. Chính sách tín dụng

Nhà nước có chính sách động viên các nguồn lực trong nước là chính và tranh thủ tối đa nguồn lực ngoài nước; mở rộng đầu tư tín dụng, góp phần giải phóng mọi năng lực sản xuất, phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, bảo đảm cho doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ quyền quốc gia; bảo đảm an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ quốc gia; mở rộng hợp tác và hội nhập quốc tế; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống của nhân dân.

Điều 6. Chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp nhà nước

Nhà nước có chính sách tín dụng về vốn, điều kiện vay đối với doanh nghiệp nhà nước, tạo điều kiện để các doanh nghiệp này đổi mới thiết bị, hiện đại hoá công nghệ, mở rộng quy mô

sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 7. Chính sách tín dụng đối với hợp tác xã và các hình thức kinh tế hợp tác khác

Nhà nước có chính sách tín dụng tạo điều kiện về vốn, điều kiện vay nhằm hỗ trợ cho hợp tác xã và các hình thức kinh tế hợp tác khác đổi mới và phát triển; bảo đảm kinh tế nhà nước cùng với kinh tế hợp tác trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Điều 8. Chính sách tín dụng đối với nông nghiệp, nông thôn và nông dân

Nhà nước có chính sách tín dụng ưu đãi về vốn, lãi suất, điều kiện, thời hạn vay vốn đối với nông nghiệp, nông thôn và nông dân nhằm góp phần xây dựng cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, phát triển sản xuất hàng hoá, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.

Điều 9. Chính sách tín dụng đối với miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn

Nhà nước có chính sách tín dụng ưu đãi về vốn, lãi suất, điều kiện, thời hạn vay vốn, mở rộng đầu tư phát triển kinh tế hàng hoá, giao lưu kinh tế miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Điều 10. Chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nhà nước có chính sách tín dụng ưu đãi về vốn, lãi suất, điều kiện và thời hạn vay đối với người nghèo, các đối tượng chính sách khác để có điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh.

2. Nhà nước có chính sách tín dụng ưu đãi về lãi suất, điều kiện và thời hạn vay tiền đối với học sinh nghèo để có điều kiện học tập.

Điều 11. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng

Nhà nước thống nhất quản lý, có chính sách mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá; khuyến khích việc huy động các nguồn vốn tín dụng từ nước ngoài đầu tư vào công cuộc phát triển kinh tế ở Việt Nam; tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tăng cường hợp tác với nước ngoài nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức này.

Điều 12. Các loại hình tổ chức tín dụng

1. Các tổ chức tín dụng Việt Nam gồm có: tổ chức tín dụng nhà nước, tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân, tổ chức tín dụng hợp tác.
2. Theo nhu cầu cần thiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Nhà nước cho phép thành lập tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; cho phép mở tại Việt Nam chi nhánh của ngân hàng nước ngoài. Tổ chức tín dụng nước ngoài có thể mở văn phòng đại diện tại Việt Nam. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.
3. Chỉ các tổ chức tín dụng có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật mới được phép thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng, phục vụ đa lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội.

Điều 13. Hoạt động ngân hàng của các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng

1. Các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng có thể được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng khi đáp ứng đầy đủ các quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này.
2. Các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng có hoạt động ngân hàng phải tuân theo các quy định của Luật này có liên quan đến các hoạt động ngân hàng được phép.

Điều 14. Quyền hoạt động Ngân hàng

Mọi tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoạt động thì được thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

Điều 15. Quyền tự chủ kinh doanh

Các tổ chức tín dụng có quyền tự chủ kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Không một tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào quyền tự chủ kinh doanh của các tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng có quyền từ chối yêu cầu cấp tín dụng, góp vốn, cung ứng các dịch vụ ngân hàng, nếu thấy không đủ điều kiện, không có hiệu quả, không phù hợp với pháp luật.

Điều 16. Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng

1. Các tổ chức hoạt động ngân hàng được hợp tác và cạnh tranh hợp pháp.

2. Nghiêm cấm các hành vi cạnh tranh bất hợp pháp, gây tổn hại đến việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng và lợi ích hợp pháp của các bên.

3. Hành vi cạnh tranh bất hợp pháp bao gồm:

- a) Khuyến mại bất hợp pháp;
- b) Thông tin sai sự thật làm tổn hại lợi ích của tổ chức tín dụng khác và của khách hàng;
- c) Đầu cơ lũng đoạn thị trường tiền tệ, vàng, ngoại tệ;
- d) Các hành vi cạnh tranh bất hợp pháp khác.

Điều 17. Bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền

Tổ chức tín dụng có trách nhiệm:

- 1. Tham gia tổ chức bảo toàn hoặc bảo hiểm tiền gửi; mức bảo toàn hoặc bảo hiểm do Chính phủ quy định;
- 2. Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền theo yêu cầu; bảo đảm trả đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi của mọi khoản tiền gửi;
- 3. Bảo đảm bí mật số dư tiền gửi của khách hàng; từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi mà không có sự đồng ý của khách hàng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- 4. Thông báo công khai mức lãi suất tiền gửi.

Điều 18. Thời gian giao dịch

Tổ chức tín dụng phải công bố thời gian giao dịch và không được tự ý ngừng giao dịch vào thời gian đã công bố. Trong trường hợp ngừng giao dịch, tổ chức tín dụng phải niêm yết tại nơi giao dịch chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch.

Điều 19. Trách nhiệm đối với các khoản tiền có nguồn gốc bất hợp pháp.

- 1. Tổ chức tín dụng và các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng không được che giấu, thực hiện bất kỳ dịch vụ nào liên quan đến khoản tiền đã có bằng chứng về nguồn gốc bất hợp pháp.
- 2. Trong trường hợp phát hiện các khoản tiền có dấu hiệu bất hợp pháp, tổ chức tín dụng và các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng phải thông báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 20. Giải thích từ ngữ